TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K,** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------

Bản án số: 47/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 14/9/2022
Về việc:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Xuân Dự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 119/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị H, sinh năm 1986

ĐKHKTT: Xóm 5A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình

Hiện tạm trú tại: Xóm 9, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1979.

ĐKHKTT và trú tại: Xóm 5A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị H, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Vũ Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Xuân T có đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại xã L được một thời gian ngắn thì về xã Q làm kinh tế, nhưng do điều kiện công việc làm ăn không thuận lợi nên cả hai lại về qauy về xã L để làm ăn sinh sống. Quá trình vợ chồng chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh T rượu chè, cờ bạc và không chăm lo đến cuộc sống gia đình vợ con, bản thân chị đã khuyên bảo anh T nhiều lần nhưng anh T không nghe mà còn đánh đập, chửi bới chị. Việc vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không cải thiện được mà mâu thuẫn ngày càng nặng nề hơn và kéo dài nhiều năm nay. Chị đã cố gắng nín nhịn để

mong anh T thay đổi vợ chồng chung sống hạnh phúc và cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả. Do không chịu đựng được cuộc sống chung nên từ đầu năm 2022 đến nay chị và anh T sống ly thân mỗi người một nơi, hai bên không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh T có bốn con chung cháu Nguyễn Hải S, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2004; cháu Nguyễn Huyền T1, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2008; cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2015 và cháu Nguyễn Hoàng A1, sinh ngày 09 tháng 2 năm 2021. Tại đơn khởi kiện chị nhận nuôi cả bốn con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng đối với các con chung. Tuy nhiên qua tham khảo nguyện vọng của các cháu tại buổi tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải chị đề nghị được nuôi cháu T1 và cháu A1 và đề nghị Tòa án giao cháu S và cháu A cho anh T tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Các bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị và anh T tự thỏa thuận phân chia tài sản sản chung. Nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Trong bản tự khai bị đơn là anh Nguyễn Xuân T trình bày: Anh và chị Vũ Thị H có Đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do chị H có quan hệ không lành mạnh với người đàn ông khác. Anh và gia đình đã khuyên bảo chị Hải nhiều lần nhưng chị H vẫn chứng nào tật ấy, không thay đổi. Vì vậy mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nặng nề hơn, do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh chị đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay, cả hai đã không quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Hải có đơn xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Anh và chị Hải có bốn con chung cháu Nguyễn Hải Sơn, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2004; cháu Nguyễn Huyền T1, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2008; cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2015 và cháu Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 09 tháng 2 năm 2021. Nay ly hôn anh nhận nuôi cháu A1 và đề nghị giao cháu T1 và cháu Hoàng A cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Về tài sản chung: anh và chị H không có tài sản chung vì vậy anh không đề nghị giải quyết.

Con chung của anh chị là cháu Nguyễn Hải S, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2004; cháu Nguyễn Huyền T1, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2008; cháu Nguyễn Thị Ngọc A1, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2015 thuộc trường hợp phải lấy ý kiến nguyện vọng của con, tại bản tự khai ngày 07 tháng 7 năm 2022 cháu S và cháu A1 trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với bố khi bố mẹ ly hôn. Cháu T1 trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng : Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử , Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ

luật Tố tụng dân sự . Nguyên đơn, Bị đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án : Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Xuân T ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huyền T1 sinh ngày 22 tháng 6 năm 2008 và cháu Nguyễn Hoàng A1 sinh ngày 09 tháng 2 năm 2021 cho chị Vũ Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Hải S sinh ngày 01 tháng 12 năm 2004 và cháu Nguyễn Thị Ngọc A sinh ngày 06 tháng 7 năm 2015 cho anh Nguyễn Xuân T tiếp tục chăm sóc nuỗi dưỡng. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Án phí: Chị Vũ Thị H nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị H có đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" với anh Nguyễn Xuân T, sinh năm 1979 có nơi cư trú tại xóm 5A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Vũ Thị Hvà vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Xuân T. Cả hai đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Vũ Thị H và anh Nguyễn Xuân T có đăng ký kết hôn ngày 03 tháng 1 năm 2004 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau tại xóm 5A, xã L. Quá trình chung sống cả chị H và anh T đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm sống, nghi ngờ nhau về vấn đề tình cảm nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, từ năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay cả hai anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị Hải có đơn xin ly hôn anh T cũng nhất trí. Việc chị H và anh T đều thừa nhận mâu thuẫn và nhất trí ly hôn. Đây là sự kiện pháp lý các đương sự thừa nhận nên không phải chứng minh.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã L xác định: Chị H và anh T có Đăng ký kết hôn tại UBND xã L năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh T tại xóm 5A, xã L. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn như

thế nào thì chính quyền địa phương không nắm được do địa phương không nhận được đơn thư hay yêu cầu gì từ phía gia đình chị H và anh T. Qua theo dõi tìm hiểu tại cơ sở thì từ năm 2021 đến nay thì chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Q để làm ăn sinh sống, không quay về chung sống cùng với anh T nữa. Nay chị H xin ly hôn anh T đề nghị Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống hôn nhân của chị H và anh T các bên thừa nhận có nhiều mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nhau hơn một năm nay và không còn quan tâm đến nhau nữa và cả 2 đều nhất trí ly hôn, dẫn đến tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 04 con chung Nguyễn Hải S, sinh ngày 01 tháng 12 năm 2004; cháu Nguyễn Huyền T1, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2008; cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh ngày 06 tháng 7 năm 2015 và cháu Nguyễn Hoàng A1, sinh ngày 09 tháng 2 năm 2021. Hiện này cháu S và cháu A1 đang ở cùng với anh T, cháu T1 và cháu Hoàng A1 đang ở với chị H. Cả chị H và anh T đều muốn tôn trọng nguyện vọng ý kiến của con muốn ở với ai khi bố mẹ ly hôn thì sẽ nhất trí giao con theo nguyện vọng của các con. Qua xem xét nguyên vọng của cháu S và cháu A1 muốn ở cùng với bố, cháu T muốn ở cùng với mẹ khi anh chị ly hôn. Đối với Cháu Hoàng A còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Xét về vấn đề yêu cầu giao con sau khi ly hôn của chị H và anh T là hoàn toàn tự nguyện và cũng như phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn của các bên đương sự. Nay để không làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu cũng như không làm thay đổi môi trường sống, học tập của các con chung khi chị H và anh T ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Nguyễn Huyền T1 sinh ngày 22 tháng 6 năm 2008 và cháu Nguyễn Hoàng A1 sinh ngày 09 tháng 2 năm 2021 cho chị Vũ Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Hải S sinh ngày 01 tháng 12 năm 2004 và cháu Nguyễn Thị Ngọc A1 sinh ngày 06 tháng 7 năm 2015 cho anh Nguyễn Xuân T tiếp tục chăm sóc nuỗi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng Do các bên không yêu cầu hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung là phù hợp với điều 82, 83 Luật Hôn nhân nhân gia đình.

[4] Về tài sản chung: Chị H và anh T tự thống nhất thỏa thuận phân chia. Nay ly hôn chị H, anh T không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị H và anh Nguyễn Xuân T.

2/ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Huyền T1 sinh ngày 22 tháng 6 năm 2008 và cháu Nguyễn Hoàng A1 sinh ngày 09 tháng 2 năm 2021 cho chị Vũ Thị H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Hải S sinh ngày 01 tháng 12 năm 2004 và cháu Nguyễn Thị Ngọc A1 sinh ngày 06 tháng 7 năm 2015 cho anh Nguyễn Xuân T tiếp tục chăm sóc nuỗi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Vũ Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004855 ngày 30 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trần Thị Khanh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND xã L.
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.